

Số: 0332.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 01 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 2194.25



VILAS 502

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Nguyễn Hoàng Hồ
Địa điểm lấy mẫu : Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang (TCN Gia Thuận) - Tại Trạm cấp nước Gia Thuận. Địa chỉ: Ấp 4, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 25/12/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 232-CNTG
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 25/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 25/12/2025 - 31/12/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít. Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng. Mẫu được bảo quản trong điều kiện bình thường.
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cố định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,63	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,54	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	315	≤ 1000
7	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	0,032	≤ 0,05
8	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,01 mgN/L	≤ 0,3
9	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,64	≤ 2
10	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	77,0	≤ 300
11	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	25,5	≤ 300
12	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,001 mgN/L	≤ 0,05

13	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO3 B (2023) (*)	0,35	≤ 2
14	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	13,7	≤ 250
15	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	< LOQ = 0,05 mg/l	≤ 0,1
16	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,17	≤ 1,5
17	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	7,86	≤ 200
18	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
19	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1 < 1
20	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM ĐO CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0332.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 01 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 2195.25



Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Nguyễn Hoàng Hồ
Địa điểm lấy mẫu : Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang (TCN Gia Thuận) - Tại hộ: Nguyễn Minh Hùng. Địa chỉ: Ấp 3, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 25/12/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 233-CNTG
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 25/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 25/12/2025 - 31/12/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít. Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng. Mẫu được bảo quản trong điều kiện bình thường.
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cố định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	9,43	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,44	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	335	≤ 1000
7	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/l	≤ 0,05
8	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,01 mgN/L	≤ 0,3
9	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2
10	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	87,0	≤ 300
11	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	26,2	≤ 300
12	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,001 mgN/L	≤ 0,05

13	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO3 B (2023) (*)	0,35	≤ 2
14	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	13,6	≤ 250
15	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	< LOQ = 0,05 mg/l	≤ 0,1
16	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,20	≤ 1,5
17	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	7,77	≤ 200
18	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
19	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
20	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0332.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 01 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 2196.25



VILAS 502

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Nguyễn Hoàng Hồ
Địa điểm lấy mẫu : Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang (TCN Gia Thuận) - Tại hộ: Nguyễn Hồ Nhựt Cường. Địa chỉ: Ấp 4, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 25/12/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 234-CNTG
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 25/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 25/12/2025 - 31/12/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít. Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng. Mẫu được bảo quản trong điều kiện bình thường.
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cố định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	9,43	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,45	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	330	≤ 1000
7	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/l	≤ 0,05
8	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,01 mgN/L	≤ 0,3
9	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2
10	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	75,0	≤ 300
11	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	26,2	≤ 300
12	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,001 mgN/L	≤ 0,05

13	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO3 B (2023) (*)	0,34	≤ 2
14	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	12,9	≤ 250
15	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	< LOQ = 0,05 mg/l	≤ 0,1
16	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,23	≤ 1,5
17	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	7,68	≤ 200
18	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
19	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
20	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Thị Quỳnh Diệu